TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 226/2024/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 16 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Nông Văn T1, sinh năm 1992.

Cùng cư trú: Xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/12/2024;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T1 xác định vợ chồng có 03 con chung và thống nhất thỏa thuận như sau: Anh Nông Văn T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là: Cháu Nông Nguyễn Q, sinh ngày 26/5/2015; cháu Nông Thị Bảo A, sinh ngày 03/4/2017 và chị Nguyễn Thị T

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Nông Đức Đ, sinh ngày 23/11/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề nghị giải quyết.

Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung: Chị T và anh T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. **Án phí**: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1 thỏa thuận: Chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được trả lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005725 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- CCTHADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- Lưu: TA, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Cao Vương